TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 145 /2026/QĐST- HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 120/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu A (S cũ), xã T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Khu A (S cũ), xã T, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông **Trần Anh T** – Luật sư Thuộc Văn phòng L1;

Địa chỉ: Tầng C, số nhà A N, phường G, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Khánh N – Sinh ngày 16/10/2016, giao cho anh Nguyễn Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Nam P – Sinh ngày 12/11/2018 kể từ tháng 7 năm 2026 đến khi cháu N và cháu P thành niên. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện xin được rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung; Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung; Về công sức: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Nguyễn Văn L đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B tự nguyện xin chịu cả 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0003136 ngày 13/4/2026 của thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị B 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn ly hôn sơ thẩm đã nộp.

Trả lại cho chị B toàn bộ tiền án phí chia tài sản chung là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E/0003963 ngày 05/5/2026 của thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4 - Phú Thọ;
- UBND xã Thanh Thủy;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Bộ